

[Truy cập hoc360.net](http://hoc360.net) để tải tài liệu bài giảng miễn phí

hãy giải thích tại sao như vậy.

- Cho HS thảo luận trả lời miệng.
- Yêu cầu ghi kết quả vào vở

- HS thảo luận trả lời miệng.
- Ghi kết quả vào vở

III. Củng cố: GV nhận xét cả đợt học tập của HS

Thông báo điểm kiểm tra.

IV. Dặn dò: Về nhà ôn tập

Toán

Kiểm tra đề của trường

I. Mục tiêu: Củng cố cho học sinh về từ trái nghĩa.

HS hiểu và làm được bài tập.

II. Bài mới:

Bài 1: Hãy giải nghĩa các từ dưới đây bằng từ trái nghĩa với nó

- | | |
|---------------------|--------------------|
| a/ Cao:..... | d/ Đầu tiên:..... |
| b/ Dài:..... | e/ Biền mát:..... |
| c/ Người lớn: | g/ Bình tĩnh:..... |

Bài 2: Đặt câu với từ *công nhân, nông dân, bác sĩ, giáo viên*.

Bài 3:Sắp xếp các từ đã cho thành từng cặp có nghĩa trái ngược nhau

a/ đẹp, ngắn, nóng, thấp, lạnh, xấu, cao, dài.

b/lên, yêu, xuống, ghét, khen, ra, chê, vào

Tiếng Việt

Bài 1: Điền cặp từ trái nghĩa vào mỗi dòng sau để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ:

- Đi về ...
- Thức..... dậy ...
- Gần mực thì....., gần đèn thì...

Bài 2: Tìm những từ chỉ phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta theo yêu cầu sau:

-Chỉ những phẩm chất tốt trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm:...

-Chỉ những phẩm chất tốt trong lao động xây dựng đất nước:...

Bài 3: Dùng cụm từ nào để đặt câu hỏi cho mỗi bộ phận câu được gạch dưới trong từng câu sau.

Viết câu hỏi ở dưới mỗi câu:

-Ngay thêm lắng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm.

.....
-Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

.....
- Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ.

Toán

Một số bài toán có lời văn về ý nghĩa phép tính

Bài 1: Trường Hữu Nghị có 487 học sinh nữ và 412 học sinh nam. Hỏi:

a/ Trường Hữu Nghị có tất cả bao nhiêu học sinh?

b/ Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là bao nhiêu em?

Bài 2: Một đàn vịt có 100 con ở dưới ao và 100 con ở trên bờ. Bây giờ có 10 con vịt ở dưới ao lên bờ phơi nắng. Hỏi bây giờ:

a/ Dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

b/ Trên bờ có bao nhiêu con vịt?

c/ Số vịt ở trên bờ và số vịt ở dưới ao hơn kém nhau bao nhiêu con?

Bài 3: Một bến xe có 37 ô tô rời bến, như vậy còn lại 12 ô tô chưa rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó ?

Bài 4: Một cửa hàng có 356 kg đường . Sau một ngày bán hàng cửa hàng còn lại 210 kg đường. Hỏi ngày đó cửa hàng đã bán được bao nhiêu ki- lô - gam đường?

Bài 5: Một ô tô chở khách dừng tại bến đỗ. Có 5 người xuống xe và 3 người lên xe. Xe tiếp tục chạy, lúc này trên xe có tất cả 40 hành khách. Hỏi trước khi dừng lại bến đỗ đó, trên xe có bao nhiêu hành khách?

Bài 6: Gói kẹo chanh và gói kẹo dứa có tất cả 235 cái kẹo. Riêng gói kẹo chanh có 120 cái . Hỏi :

a/ Gói kẹo dứa có bao nhiêu cái kẹo?

b/ Phải bớt ở gói kẹo chanh đi bao nhiêu cái kẹo để số kẹo ở hai gói bằng nhau?

Bài 7: Cứ 4 cái bánh nướng đóng được một hộp bánh. Hỏi cần có bao nhiêu cái bánh nướng để đóng được 8 hộp bánh như thế?

Tiếng Việt

Bài 1: Em hãy dùng cụm từ: **bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ** để thay thế cho cho cụm từ **khi nào** dưới đây:

a/ Khi nào lớp bạn đi thăm bà mẹ Việt nam anh hùng?

b/ Khi nào bạn về thăm ông bà?

c/ Bạn vẽ bức tranh này khi nào?

d/ Khi nào chúng mình đi thăm cô giáo?

Bài 2: Em hãy chọn chữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống :

[Truy cập hoc360.net](http://hoc360.net) để tải tài liệu bài giảng miễn phí

a/- (sông, xông) -Hồng -.....xáo
-(sa, xa) -..... sút -đường
-(sương, xương) -cây..... rỗng -..... sớm

Tiếng Việt

Bài 1: Dùng cụm từ *vì sao* để đặt câu hỏi cho mỗi bộ phận câu gạch dưới trong mỗi câu sau. Viết câu hỏi xuống dưới:

-Nhờ làm lung chuyên cần, vợ chồng người nông dân đã gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.

.....

-Mất môi, con cá dữ tức tối bỏ đi.

.....

Bài 2: Chọn dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than để điền vào từng ô trống trong đoạn văn sau cho phù hợp:

- Con mơ gì thế để cho mẹ nghe đi

- Con mơ con gặp hổ dữ trong rừng, con sợ quá hét lên: “ Mẹ ơi” Thế rồi n tỉnh dậy.

_ Con đừng sợ. Mẹ luôn ở bên cạnh con những lúc nguy hiểm.

Tiếng Việt

Bài 1: Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau để điền vào từng chỗ trống cho phù hợp:

trẻ con- tinh -

xuất hiện hiền lành -

rụt rè - bình tĩnh - ...

Bài 2: Đặt câu với các từ sau: anh hùng, thông minh, gan dạ, cần cù, đoàn kết, anh dũng

Toán

Ôn tập

Bài 1: Điền dấu phép tính (+ , -) thích hợp vào ô trống

a) 15 15 6 = 36

b) $18 \square 4 \square 2 = 12$

Bài 2: Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống

- a) $24 + 32 \dots 17 + 42$
- b) $58 - 25 \dots 66 - 35$
- c) $42 + 13 \dots 89 - 34$

Bài 3 : Không tìm hiệu , hãy điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ chấm

- a) $68 - 34 \dots 58 - 34$
- b) $67 - 34 \dots 67 - 43$
- c) $84 + 26 \dots 88 + 26$

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $8 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$
- b) $50 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$
- c) $3 \text{ dm } 7 \text{ cm} = \dots \text{ cm}$
- d) $94 \text{ cm} = \dots \text{ dm } \dots \text{ cm}$

Bài 5: Tìm y

- a) $3 \times y = 24 : 3$
- b) $Y \times 4 = 2 \times 6$
- c) $y : 4 = 10 : 2$
- d) $y : 3 = 2 \times 3$

Bài 6: Viết các số gồm:

- a) 6 trăm, 5 chục và 7 đơn vị
- b) 8 trăm và 6 chục
- c) 5 trăm và 7 đơn vị

Bài 1: Tìm các tiếng:

a/ Bắt đầu bằng **gi** hoặc **d**, có nghĩa như sau:

- Chỉ vật để cho người nằm:.....
- Chỉ sợi dùng để buộc:.....
- Trái với hay:.....
- Tờ mỏng , dùng để viết chữ lên:.....

b/ Có vần **ưt** hoặc **ưc**:

- chỉ chỗ rất sâu mà thường đứng trên núi cao nhìn xuống ta thấy:.....
- Chỉ động tác bỏ đi các thứ ta không cần nữa (đồng nghĩa với quẳng đi):.....

Bài 4: Gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Vì sao?**

- a/ Những cây hoa héo tàn vì không được tưới nước.
- b/ Vì nắng to, cánh đồng nứt nẻ.
- c/ Vì ham chơi, Hà bị điểm kém.
- d/ Thỏ thua rùa vì quá chủ quan.

Ôn tập

Bài 1: Điền dấu phép tính (+, -) thích hợp vào ô trống:

a) 43 13 12 = 42

b) 67 13 2 > 91

Bài 2: Tính:

a. $54 + 32 - 17 =$

b. $8 \times 5 - 16 =$

c. $32 : 4 + 19 =$

Bài 3 : Đặt tính rồi tính:

875 - 251

743 - 568

537 - 389

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

4 dm = ... cm

8dm 2 cm = ... cm

20 cm = ... dm

78 cm = ...dm ...cm

Bài 5: Tìm y

$5 \times y = 35 + 10$

$y : 5 = 18 : 2$

$y \times 3 = 4 \times 6$

$y : 4 = 3 \times 8$

Bài 6: Viết theo mẫu

512 = 500 + 10 + 2

497 =

861 =

674 =

Tiếng Việt

Bài 2: Điền x hoặc s vào chỗ trống:

...a ...ôi ...an ...ẻ ...a ...út ...ôi ...ục

Phù ...a đi ...a xốt ..a đồng ...âu

Bài 1: Đặt câu hỏi có cụm từ **khi nào** cho những câu sau:

- a) Em thường về thăm ông bà nội vào kì nghỉ hè.
- b) Vào những đêm có trăng bọn trẻ vui đùa thỏa thích.
- c) Chủ nhật tới, bố mẹ sẽ đưa em về thăm ông bà ngoại.
- d) Tối thứ bảy, em đi xem phim cùng chị.

Bài 2: Gạch dưới những từ ngữ nói lên phẩm chất của nhân dân Việt Nam ta:

- anh hùng, cao lớn, thông minh, gan dạ, rục rờ, cần cù, đoàn kết, vui mừng, anh dũng.

Bài 3: Chọn một từ chỉ phẩm chất em vừa tìm được ở bài tập 2 và đặt câu với từ đó.

- Từ em chọn:.....

- Đặt câu:.....

Toán
Ôn tập

Bài 1: Số

600; 599; ...; ...; ...; 595 ; ...; ...; ...

730; 731; ...; ...; ...; ...; ...; ...; ...; ...

Bài 2: Đọc các số sau:

- a) 815
- b) 905
- c) 873
- d) 505

Bài 3: Điền dấu > ; < = thích hợp vào chỗ chấm

606 ... 660 700 + 9 ... 709

865 ... 856 440 – 40 ... 399

899 ... 999 800 + 80 + 8 ... 889

Bài 4: Khoanh vào số lớn nhất

857; 875; 578; 587; 758; 785

Bài 5: Tính nhẩm

- | | | |
|----------------|---------------|-------------------|
| a) 300 + 400 = | b) 800 + 50 = | c) 900 + 60 + 7 = |
| 700 – 400 = | 850 – 50 = | 900 + 60 = |
| 700 – 300 = | 850 – 800 = | 900 + 7 |

Bài 6 : Với ba số 652, 600, 52 và các dấu + ; - ; = , em hãy viết các phép tính đúng

Bài 7: Tìm x:

- a) $x - 422 = 415$ b) $204 + x = 376$

Tiếng Việt Toán
Ôn tập

Bài 1: Đặt tính rồi tính

615 + 208 326 + 80 417 + 263 156 + 472

Bài 2: Đặt tính rồi tính

675 – 241 550 - 202 138 – 45 78- 139

Bài 3: Khối lớp Hai có 325 học sinh, khối lớp Ba có ít hơn khối lớp Hai 40 học sinh . Hỏi khối lớp Ba có bao nhiêu học sinh.

Bài 4 : Tính

5 x 9 + 258 4 x 8 – 19 = 5 x 7 + 982

Bài 5 : Tính nhẩm

600 : 2 = 800 : 4 = 400 : 2 =

$600 : 3 =$ $800 : 2 =$ $700 : 7 =$

Bài 6: Với các số 2, 4 và 8 và dấu x; : , = , em hãy viết các phép tính đúng

Bài 7: Đội một trồng được 345 cây, đội hai trồng được nhiều hơn đội Một 83 cây. Hỏi:

- a) Đội hai trồng được bao nhiêu cây?
- b) Hai đội trồng được bao nhiêu cây?

Bài 8: Tìm x

a) $x \times 5 = 50 - 15$ b) $x : 4 = 38 - 33$ c) $x - 356 = 474 + 562$

Bài 1: Dùng cụm từ **để làm gì** để đặt câu hỏi về mục đích của các công việc sau. Viết câu hỏi vào vở:

- a) các bạn học sinh trồng cây ở sân trường.
- b) Các bạn học sinh quét lá rụng ở sân trường.
- c) Cô giáo dẫn học sinh ra vườn trường học về các loài cây.

Mẫu : Các bạn học sinh trồng cây để làm gì?

Bài 2: Kể tên các bộ phận của một cây ăn quả:

- gốc,

Bài 3: Tìm những từ có thể dùng để tả từng bộ phận của cây;

- a) Rễ: dài,
- b) Gốc : Phình to,
- c) Thân: cao, to, ...
- d) Cành : nhiều nhánh, ...
- e) Lá: thon dài, ...
- f) Hoa: vàng tươi, ...
- g) Ngọn: chót vót, ..

Tập làm văn

Kể về gia đình

Đề bài: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về gia đình thân yêu của em.*

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Gia đình em có mấy người, đó là những ai?
- Từng người trong gia đình em hiện đang làm gì, ở đâu?
- Những người thân trong gia đình thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó với em ra sao?
- Tình cảm của em với mọi người như thế nào? Em làm gì để làm vui lòng mọi người thân yêu của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

Thừa số - tích ; tìm thừa số chưa biết

1, Ôn tập ý nghĩa của phép nhân:

Phép nhân là phép cộng các số hạng bằng nhau.

VD: $3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5$

3×5 đọc là 3 được lấy 5 lần hay 3 nhân với 5

$3 \times 5 = 15$; 3 và 5 là thừa số còn 15 là tích.

Bài 1) Viết tích thành tổng rồi tính (theo mẫu)

M : $25 \times 4 = 25 + 25 + 25 + 25 = 100$

a. $16 \times 3 =$

b. $24 \times 2 =$

Bài 2) Tìm x

a. $X \times 5 = 35$

b. $4 \times X = 32$

Bài 3) Một đàn lợn có 10 con. Hỏi cả đàn có bao nhiêu cái chân?

Bài 4) Một phòng họp có 8 dãy ghế, mỗi dãy ghế có 5 người ngồi . Hỏi trong phòng họp đó có bao nhiêu người dự họp?

Toán

Một phần hai, một phần ba, một phần bốn

Ôn tập khái niệm về một phần mấy của một số

Yêu cầu HS lấy ví dụ về $\frac{1}{2}$:

*HS 1: - Mẹ mua một cái bánh mẹ chia cái bánh thành 2 phần bằng nhau; mẹ cho hai anh em mỗi người một nửa. Như vậy mỗi người được $\frac{1}{2}$ cái bánh.

* HS 2 : - Nam có 8 viên bi, Nam chia số bi thành 2 phần bằng nhau Nam cho em một phần; Như vậy Nam đã cho em $\frac{1}{2}$ số bi.

GV: Vậy Nam cho em mấy viên bi?($8 : 2 = 4$ viên bi)

$\Rightarrow \frac{1}{2}$ của 8 là mấy? (là 4)

Tương tự cho các em ôn tập k/n $\frac{1}{4}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{5}$ của một số.

• **Luyện tập**

Bài 1) Đọc số theo mẫu:

M: $\frac{1}{4}$ đọc là : Một phần bốn.

$$\frac{1}{3} \text{ đọc là}$$

$$\frac{1}{5} \text{ đọc là}$$

$$\frac{1}{6} \text{ đọc là}$$

Bài 2) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. $\frac{1}{3}$ của 9 m là:

A. 2m

B. 3m

C. 4m

Câu 2. $\frac{1}{4}$ của 8 cái kẹo là :

A. 1 cái kẹo

B. 2 cái kẹo

C. 3 cái kẹo

Bài 3) Tập viết các số $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{2}$ mỗi số 3 dòng.

Luyện từ & câu

Ôn cách đặt & TLCH “ khi nào?” – dấu chấm

Bài 1. Gạch dưới bộ phận câu TLCH “ Khi nào?”

a. Ban sáng, lộc cây vừa mới nhú. Lá non còn cuộn tròn trong búp, chỉ hơi hé nở. Đến trưa, lá đã xòe tung. Sáng hôm sau, lá đã xanh đậm lẫn vào màu xanh bình thường của các loài cây khác.

b. Người Tày, người Nùng thường múa sư tử vào các dịp lễ hội mừng xuân.

c. Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập vào ngày mừng 2 tháng 9 năm 1945.

Bài 2. Trả lời câu hỏi Khi nào? Lúc nào? Bao giờ? Và viết thành câu.

a. Em được mẹ đưa đi chơi khi nào?

b. Lúc nào cả nhà em quây quần quanh mâm cơm?

c. Bao giờ trường em tổ chức lễ khai giảng năm học mới?

Bài 3: Em hãy dùng cụm từ: **bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ** để thay thế cho cho cụm từ **khi nào** dưới đây:

a/ Khi nào lớp bạn đi thăm bà mẹ Việt nam anh hùng?

b/ Khi nào bạn về thăm ông bà?

c/ Bạn vẽ bức tranh này khi nào?

d/ Khi nào chúng mình đi thăm cô giáo?

Bài 4. Viết 2 – 3 câu văn trong đó có bộ phận câu trả lời câu hỏi “ Khi nào?”

Toán

Tìm số bị chia

1. Hướng dẫn ôn tập:

- Muốn tìm số bị chia chưa biết ta làm thế nào?

(Muốn tìm số bị chia chưa biết ta lấy thương nhân với số chia)

- Gọi nhiều HS nhắc lại.

2. Luyện tập

Bài 1. Tìm x biết:

$$\begin{array}{ll} x : 3 = 7 & x : 4 = 9 \\ x : 5 = 8 & x : 4 = 5 \end{array}$$

Bài 2. Có một số vở chia đều cho 4 em, mỗi em được 7 quyển vở. Hỏi có tất cả bao nhiêu quyển vở?

Bài 3. Tính

$$\begin{array}{ll} 4 \times 6 - 17 & 6 \times 5 : 10 \\ 24 : 4 + 17 & 9 : 3 \times 10 \end{array}$$

HS làm từng bài – chữa bài - GV nhận xét.

Luyện từ và câu

Toán Luyện tập

1, Tính nhẩm

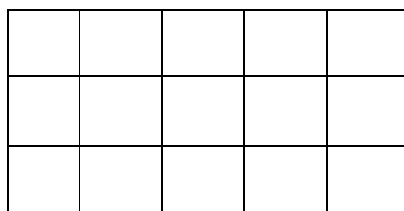
$$\begin{array}{cccc} 3 \times 4 & 2 \times 6 & 5 \times 4 & 4 \times 5 \\ 3 \times 6 & 2 \times 4 & 5 \times 2 & 4 \times 2 \\ 3 \times 8 & 2 \times 5 & 5 \times 7 & 4 \times 3 \\ 3 \times 5 & 2 \times 9 & 5 \times 8 & 4 \times 7 \end{array}$$

2, Tính

$$\begin{array}{lll} 5 \times 4 + 124 & 36 : 4 + 201 & 10 \times 3 - 17 \\ 4 \times 5 - 12 & 60 : 2 - 14 & 5 \times 7 + 107 \end{array}$$

3, Một đường gấp khúc gồm 4 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài 5cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

4, Tô màu vào $\frac{1}{3}$ số ô vuông trong mỗi hình sau:



HS làm từng bài – chữa bài - GV nhận xét.

Tập làm văn

Kể về một việc tốt em đã làm

Đề bài: ***Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể lại một việc tốt em đã làm để giúp đỡ gia đình.***

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Em đã làm được những việc gì giúp mẹ ?
- Hãy kể lại việc em đã làm đó theo gợi ý:
 - + Em làm việc đó khi nào? Làm cùng với ai?
 - + Em làm ra sao?
 - + Em có cảm nghĩ gì khi làm việc đó?
 - + Mẹ nhận xét gì về việc làm của em?

- 1 HS tập làm miệng. GV nhận xét bổ sung, sửa chữa cách dùng từ đặt câu cho các em.

- HS làm việc theo nhóm đôi; lần lượt từng em kể cho bạn nghe rồi đổi lại.

Nguồn sưu tầm.